

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/DS-ST

Ngày: 02-10-2020

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**;

2. Ông **Phan Ngọc Thạch**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Trung Thành** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2020/TLST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Hồng P**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ E, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

-Bị đơn:

1. Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1988 (vắng mặt);

2. Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ G, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 21/02/2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn chị Phan Thị Hồng P trình bày:

Năm 2017, chị có thuê của vợ chồng T, H 04 ha đất, thời hạn thuê 17 năm với số tiền 680.000.000 đồng, đã trả đủ tiền thuê đất và có trồng cao su trên đất. Năm 2018, chị được biết T, H nợ Ngân hàng gần 03 tỷ đồng, có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 04 ha đất chị thuê. Khi Ngân hàng thông báo đất này thế chấp vay vốn đã quá hạn phải bán thanh lý trả nợ, chị sợ bị mất cây cao su đã trồng trên đất

nên vay tiền để mua lại đất này. Vào ngày 04/12/2018, chị có vay của bà Nguyễn Thị Cẩm V ở xã C số tiền 02 tỷ đồng để mua lại 04 ha đất của vợ chồng T, H nhưng mua lại từ Ngân hàng. Chị trả số tiền 02 tỷ đồng này trực tiếp cho Ngân hàng, lấy sổ đỏ về để T, H làm thủ tục sang tên cho chị. Lý do có giấy nợ số tiền 840.000.000 đồng ngày 04/12/2018 là vì T, H tính lại cho chị số tiền thuê đất là 680.000.000 đồng vì không thực hiện được hợp đồng thuê; đồng thời, chị có đưa cho T, H thêm 160.000.000 đồng để T, H trả nợ cho bà Nguyễn Thị T tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vì T, H phải thi hành án cho bà T. Việc chị đưa 160.000.000 đồng cho T, H có bà T chứng kiến. Lý do chị phải đưa số tiền này cho T, H trả nợ cho bà T là vì lúc này 04 ha đất trên đang bị Cơ quan Thi hành án phong tỏa, cần phải thi hành án xong Cơ quan Thi hành án mới giải tỏa phong tỏa và mới sang tên đất cho chị được. Từ đó đến nay vợ chồng T, H không trả cho chị số tiền nào nên H cho rằng đã trả tiền cho chị là không đúng.

Nay chị yêu cầu anh H, chị T cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền gốc là 840.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi 0,83%/tháng từ ngày 04/12/2018 đến khi vụ án được xét xử xong ở cấp sơ thẩm. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Anh thừa nhận chữ ký bên mượn nợ trong giấy biên nhận về việc vay mượn nợ ngày 04/12/2018 mà chị P dùng để kiện vợ chồng anh là do vợ chồng anh ký. Vợ chồng anh đã giao 04 ha đất cho chị P để trừ xong số tiền này cách đây 02 năm.

Bị đơn chị Lê Thị T vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nên không có lời trình bày

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Buộc anh H, chị T cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị P số tiền 840.000.000 đồng, ghi nhận chị P không yêu cầu tính lãi.

+ Buộc anh H, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh H, chị T là bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T.

[1.2] Ngày 15/9/2020, chị P có đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của chị P.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, chị P yêu cầu Tòa án buộc anh H, chị T trả lại cho chị số tiền vay còn nợ là 840.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu của chị P thấy rằng: Căn cứ vào Biên nhận về việc vay mượn nợ ngày 04/12/2018 và các tài liệu, chứng cứ do chị P cung cấp; lời khai của chị P ngày 03/9/2020 và lời thừa nhận của anh H tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2020 có đủ căn cứ xác định ngày 04/12/2018 anh H, chị T có ký giấy vay nợ chị P với số tiền 840.000.000 đồng là có thật (trong đó có 680.000.000 đồng tiền thuê đất trước đó và 160.000.000 đồng vay cùng ngày). Anh H cho rằng đã trả cho chị P số tiền trên bằng cách giao đất trừ nợ nhưng vợ chồng anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh; chị P không thừa nhận; giấy nợ chị P vẫn đang giữ nên lời trình bày của anh H không có căn cứ chấp nhận. Do đó, cần chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện này của chị P, buộc anh H, chị T cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị P 840.000.000 đồng tiền gốc là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận chị P không yêu cầu tính lãi.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh H, chị T phải chịu 37.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho chị P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng P đối với anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị Phan Thị Hồng P 840.000.000 (tám trăm bốn mươi triệu) đồng tiền gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án chị Phan Thị Hồng P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T còn phải trả cho người được thi hành án chị Phan Thị Hồng P số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của chị Phan Thị Hồng P đối với anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phạm Văn H và chị Lê Thị T phải chịu 37.200.000 (ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Phan Thị Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị Phan Thị Hồng P 20.304.000 (hai mươi triệu ba trăm lẻ bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000465 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị P biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H, chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung